https://doi.org/10.66270/vap26.v14.n3.15

SELECTED COGNITIVE CHARACTERISTICS OF THE BA NA PEOPLE IN GIA LAI PROVINCE

Tran Le Thanh
People's Security Academy

Received: March 26, 2026
Accepted: May 20, 2026

Abstract: *This study was conducted with 329 Ba Na people in Gia Lai Province. Five fundamental cognitive characteristics were identified: a communal orientation; a subsistence-oriented outlook in production; cognition based on traditional experience; cognition involving spirituality and beliefs; and cognition connected to the natural environment. These characteristics were expressed at a fairly high level (M = 3.88). Communal cognition and the subsistence-oriented outlook in production were the most prominent. The findings show that the cognition of the Ba Na people continues to bear a strong imprint of traditional culture while also undergoing certain changes under current socioeconomic conditions. Identifying these cognitive characteristics provides a scientific basis for developing socioeconomic policies, preserving traditional cultural values, and improving the effectiveness of local social management.*

Keywords: *Cognition; Cognitive characteristics; Ba Na people.*

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM NHẬN THỨC CỦA NGƯỜI BA NA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

Trần Lệ Thanh
Học viện An ninh nhân dân.

Ngày nhận bài: 26/3/2026
Ngày duyệt đăng bài: 20/5/2026

Tóm tắt: *Nghiên cứu được thực hiện trên 329 người Ba Na tại tỉnh Gia Lai. Kết quả xác định 5 đặc điểm nhận thức cơ bản của người Ba Na, gồm: nhận thức mang tính cộng đồng; nhận thức mang định hướng tự cung, tự cấp trong sản xuất; nhận thức dựa trên kinh nghiệm truyền thống; nhận thức mang yếu tố tâm linh, tín ngưỡng; nhận thức gắn với môi trường tự nhiên. Các đặc điểm này biểu hiện ở mức khá (ĐTB chung = 3,88). Trong đó, nhận thức mang tính cộng đồng và nhận thức mang định hướng tự cung, tự cấp trong sản xuất thể hiện rõ nét nhất. Kết quả cho thấy nhận thức của người Ba Na vẫn đậm dấu ấn văn hóa truyền thống, đồng thời có sự biến đổi nhất định dưới tác động của bối cảnh kinh tế - xã hội hiện nay. Việc nhận diện các đặc điểm nhận thức của người Ba Na góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống và nâng cao hiệu quả quản lý xã hội tại địa phương.*

Từ khóa: *Nhận thức; Đặc điểm nhận thức; Người Ba Na.*

1. Đặt vấn đề

Người Ba Na là một trong những dân tộc thiểu số cư trú lâu đời tại khu vực Tây Nguyên, tập trung chủ yếu ở tỉnh Gia Lai. Trong quá trình lịch sử gắn với điều kiện tự nhiên, phương thức sản xuất truyền thống và tổ chức xã hội mang tính cộng đồng, nhận thức của người Ba Na được hình thành và phát triển với những nét đặc thù, trong đó đời sống nhận thức là một phương diện quan trọng phản ánh cách cộng đồng người Ba Na tiếp nhận, lý giải và thích ứng với thế giới.

Trong tâm lý học, nhận thức thường được hiểu là quá trình con người tiếp nhận, xử lý, lưu giữ và sử dụng thông tin nhằm tạo ra hiểu biết về bản thân, xã hội và thế giới xung

quanh (Neisser, 1967; Sternberg, 2006). Tuy nhiên, trong nghiên cứu về cộng đồng tộc người, nhận thức không chỉ biểu hiện ở quá trình tư duy của cá nhân mà còn thể hiện thông qua tri thức dân gian, kinh nghiệm xã hội, cách lý giải hiện thực và những khuôn mẫu hiểu biết được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Vì vậy, trong nghiên cứu này, khái niệm nhận thức được sử dụng theo nghĩa rộng, chỉ những khuynh hướng tương đối phổ biến trong cách tiếp nhận, lý giải và hình thành hiểu biết của cộng đồng người Ba Na đối với các lĩnh vực cơ bản của đời sống.

Việc nghiên cứu đặc điểm nhận thức của người Ba Na được đặt trên cơ sở ba hướng tiếp cận lý thuyết chủ yếu:

Thứ nhất, tiếp cận tâm lý học nhận thức (Neisser, 1967; Sternberg, 2006) xem nhận thức là quá trình con người tiếp nhận, xử lý, lưu giữ và sử dụng thông tin để định hướng hành vi. Tiếp cận này giúp lý giải cách người Ba Na hình thành tri thức về lao động, sản xuất, cộng đồng và môi trường tự trải nghiệm thực tiễn hàng ngày.

Thứ hai, tiếp cận văn hóa - lịch sử của Vygotsky (1978) nhấn mạnh rằng các chức năng tâm lý bậc cao được hình thành thông qua hoạt động xã hội và quá trình lĩnh hội các giá trị văn hóa của cộng đồng. Từ góc nhìn này, nhận thức của cá nhân luôn mang dấu ấn của môi trường xã hội nơi họ sinh sống, được truyền thụ thông qua ngôn ngữ, phong tục, luật tục, nghi lễ và kinh nghiệm liên thế hệ. Đối với người Ba Na, các thiết chế như buôn làng, già làng, dòng họ, xã hội truyền thống và tri thức dân gian là những nhân tố văn hóa - xã hội quan trọng góp phần hình thành đặc điểm nhận thức mang tính cộng đồng, dựa trên kinh nghiệm và chịu ảnh hưởng của yếu tố tâm linh.

Thứ ba, tiếp cận tâm lý học văn hóa của Shweder (1991) cho rằng nhận thức luôn gắn với hệ giá trị văn hóa bản địa; văn hóa không chỉ ảnh hưởng đến hành vi mà còn định hình cách con người phân loại hiện thực, lý giải nguyên nhân sự vật và xác lập chuẩn mực xã hội. Theo tiếp cận này, những quan niệm của người Ba Na về cộng đồng, lao động, quan hệ con người với thiên nhiên hay niềm tin vào thần linh cần được xem như sản phẩm của một hệ thống văn hóa đặc thù được tích lũy qua nhiều thế hệ.

Sự kết hợp ba cách tiếp cận trên cho phép xem xét nhận thức của người Ba Na trong mối quan hệ giữa cá nhân, xã hội và văn hóa, từ đó làm cơ sở lý luận cho việc xác định các đặc điểm nhận thức chủ yếu của cộng đồng này trong bối cảnh hiện nay.

Trong điều kiện biến đổi kinh tế - xã hội hiện nay, các đặc điểm nhận thức của người Ba Na có tác động nhất định đến hành vi, lối sống và sự thích ứng xã hội. Tuy nhiên, các nghiên cứu về đặc điểm nhận thức của người Ba Na trên địa bàn tỉnh Gia Lai chưa nhiều, thiếu những khảo sát mang tính hệ thống và thực chứng. Vì vậy, việc nghiên cứu một số đặc điểm nhận thức của người Ba Na tại tỉnh Gia Lai là cần thiết, góp phần bổ sung cơ sở khoa học cho việc nhận diện đặc trưng tâm lý tộc người và phục vụ công tác quản lý xã hội, bảo đảm an ninh trật tự và phát triển bền vững tại địa phương.

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu cho thấy, đặc điểm nhận thức của người Ba Na chủ yếu được phản ánh gián tiếp thông qua các nghiên cứu dân tộc học, văn hóa học, tín ngưỡng và tổ chức xã hội truyền thống. Các tác giả tuy không sử dụng trực tiếp khái niệm "nhận thức" theo nghĩa tâm lý học, song đã mô tả khá rõ những cách nhìn nhận đặc trưng của người Ba Na đối với con người, lao động, cộng đồng và thế giới xung quanh. Ngô Đức Thịnh (2004) cho rằng người Ba Na có nhận thức mang đậm tính cộng đồng, đề cao sự gắn kết buôn, làng, coi lợi ích chung của cộng đồng cao hơn lợi ích cá nhân. Theo tác giả, cách nhìn nhận này hình thành từ điều kiện cư trú lâu dài theo làng và chịu sự chi phối mạnh mẽ của luật tục, già làng và các thiết chế truyền thống. Dournes

(2018) chỉ ra rằng nhận thức của người Ba Na về tự nhiên và xã hội gắn chặt với yếu tố tâm linh, tín ngưỡng. Con người, thiên nhiên và thần linh được nhìn nhận như một chỉnh thể thống nhất; các hiện tượng tự nhiên, sinh - tử, bệnh tật hay mùa màng đều được lý giải thông qua các lực lượng siêu nhiên. Điều này cho thấy nhận thức của người Ba Na mang tính trực quan, cảm tính và chịu ảnh hưởng sâu sắc của niềm tin truyền thống. Trung Thị Thu Thủy (2014) cho rằng người Ba Na có nhận thức "vạn vật hữu linh", coi trọng các nghi lễ cúng tế nhằm duy trì sự hài hòa giữa con người với thần linh và tự nhiên. Tác giả nhận định, yếu tố tín ngưỡng không chỉ chi phối đời sống tinh thần mà còn ảnh hưởng đến cách người Ba Na nhận thức và ứng xử trong lao động, sản xuất và các mối quan hệ xã hội. Nguyễn Tấn Đắc (2005) cho rằng nhận thức của người Ba Na về lao động và sản xuất mang tính giản đơn, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, tập quán và điều kiện tự nhiên, ít chịu tác động của tư duy tính toán kinh tế hiện đại. Lao động được nhìn nhận chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng hơn là hướng tới tích lũy hay mở rộng sản xuất.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đã bước đầu làm rõ một số đặc điểm nhận thức của người Ba Na như: nhận thức mang tính cộng đồng, nhận thức chịu ảnh hưởng mạnh của tín ngưỡng - tâm linh, nhận thức giản đơn về lao động và sản xuất, cùng với xu hướng ổn định, an phận trong đời sống xã hội. Tuy nhiên, các đặc điểm này chủ yếu được đề cập rải rác, gián tiếp, chưa được hệ thống hóa và chưa tiếp cận dưới góc độ tâm lý học với các dữ liệu khảo sát thực chứng, đặc biệt trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Việc nghiên cứu một cách có hệ thống đặc điểm nhận thức của người Ba Na trên địa bàn tỉnh Gia Lai là cần thiết, không chỉ góp phần làm rõ hơn cơ sở lý luận về tâm lý tộc người mà còn cung cấp bằng chứng thực tiễn phục vụ công tác quản lý xã hội, hoạch định chính sách dân tộc và phát triển bền vững tại địa phương.

2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

2.1. Mẫu khảo sát

Nghiên cứu tiến hành trên 329 người dân tộc Ba Na sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Khách thể được lựa chọn tại 04 huyện có đông người Ba Na cư trú và còn lưu giữ nhiều yếu tố văn hóa truyền thống, gồm: huyện Kbang, huyện Kông Chro, huyện Đăk Đoa, huyện Mang Yang. Việc lựa chọn các địa bàn này dựa trên các tiêu chí: Số lượng người Ba Na sinh sống tương đối tập trung; có đặc trưng kinh tế - xã hội khác nhau nhằm bảo đảm tính đa dạng của mẫu; thuận lợi cho việc tiếp cận và tổ chức khảo sát.

Mẫu nghiên cứu được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu phân tầng kết hợp thuận tiện. Theo đó, trước hết tiến hành phân tầng theo địa bàn cư trú, sau đó lựa chọn khách thể tại từng địa bàn trên cơ sở đảm bảo sự cân đối tương đối về giới tính, độ tuổi và khả năng tham gia khảo sát. Cách thức chọn mẫu này giúp phản ánh tương đối khách quan đặc điểm nhận thức của cộng đồng người Ba Na trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sự phân bố khách thể được trình bày trong bảng 1.

Bảng 1. Đặc điểm khách thể nghiên cứu

Đặc điểm khách thể chính		**Số lượng (329)**	**Tỷ lệ %**
Giới tính	Nam	165	50,2
	Nữ	164	49,8
Độ tuổi	Từ 15 đến dưới 20 tuổi	73	22,2
	Từ 20 đến dưới 40 tuổi	123	37,4
	Từ 40 tuổi trở lên	133	40,4

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thiết kế theo hướng tiếp cận hỗn hợp, kết hợp giữa phương pháp định tính và định lượng. Trong đó, giai đoạn định tính được triển khai trước nhằm xây dựng khung lý thuyết, xác định các biến nghiên cứu và thiết kế công cụ khảo sát; giai đoạn định lượng được thực hiện sau nhằm đo lường mức độ biểu hiện của các đặc điểm nhận thức được xác định.

Các phương pháp được sử dụng gồm nghiên cứu tài liệu, xin ý kiến chuyên gia, phỏng vấn sâu, quan sát thực địa và điều tra bằng bảng hỏi.

Trên cơ sở tổng quan các lý thuyết về nhận thức trong tâm lý học, gồm: tâm lý học nhận thức (Neisser, 1967; Sternberg, 2006), lý thuyết văn hóa - lịch sử của Vygotsky (1978) và lý thuyết nhận thức văn hóa của Shweder (1991), cùng với các nghiên cứu liên quan đến văn hóa, đời sống xã hội của người Ba Na, tác giả đã xây dựng khung lý thuyết ban đầu về đặc điểm nhận thức của cộng đồng này gồm ba khía cạnh cơ bản: (1) Nhận thức như quá trình xử lý thông tin của cá nhân; (2) Nhận thức được hình thành trong tương tác xã hội và truyền thụ văn hóa; (3) Nhận thức chịu ảnh hưởng của hệ giá trị và bối cảnh văn hóa bản địa. Từ khung phân tích này, nghiên cứu tiến hành đối chiếu với các tư liệu dân tộc học, kết quả quan sát thực địa và xin ý kiến chuyên gia để xác định các biểu hiện nhận thức đặc trưng của người Ba Na.

Kết quả phân tích tài liệu, phỏng vấn sâu, quan sát thực địa và tham vấn chuyên gia cho thấy các nội dung được cập nhật nhiều nhất tập trung ở năm nhóm vấn đề: cộng đồng buôn làng, lao động tự cung, tự cấp; kinh nghiệm truyền thống; niềm tin tâm linh; mối quan hệ với tự nhiên. Đây là cơ sở để hình thành 05 biến nghiên cứu gồm: (1) Nhận thức mang tính cộng đồng; (2) Nhận thức mang định hướng tự cung, tự cấp trong sản xuất; (3) Nhận thức dựa trên kinh nghiệm truyền thống; (4) Nhận thức mang yếu tố tâm linh, tín ngưỡng; (5) Nhận thức gắn với môi trường tự nhiên.

Mỗi biến nghiên cứu được thao tác hóa thành các chỉ báo cụ thể: Nhận thức mang tính cộng đồng được đo bằng các tiêu chí về vai trò của dòng họ, buôn làng, sự tương trợ và gắn kết xã hội. Nhận thức mang định hướng tự cung, tự cấp trong sản xuất được đo bằng quan niệm về mục đích sản xuất, quy mô sản xuất, xu hướng trao đổi hàng hóa. Nhận thức dựa trên kinh nghiệm truyền thống được đo bằng mức độ coi trọng kinh nghiệm của người đi trước, tri thức dân gian và tập quán cũ. Nhận thức mang yếu tố tâm linh, tín ngưỡng được đo bằng niềm tin vào thần linh, tổ tiên, nghi lễ và sự chi phối của yếu tố siêu nhiên. Nhận thức gắn với môi trường tự nhiên được đo bằng cách nhìn nhận vai trò của rừng, đất, nước và sự hài hòa giữa con người với tự nhiên. Các chỉ báo được chuyển hóa thành 38 mệnh đề khảo sát theo thang Likert 5 mức độ, từ 1 = hoàn toàn không đồng ý đến 5 = hoàn toàn đồng ý. Thang đánh giá điểm trung bình được quy ước như sau: Mức kém: $1 \leq$ ĐTB $< 1,8$; Mức yếu: $1,8 \leq$ ĐTB $< 2,6$; Mức trung bình: $2,6 \leq$ ĐTB $< 3,4$; Mức khá: $3,4 \leq$ ĐTB $< 4,2$; Mức cao: $4,2 \leq$ ĐTB $\leq 5,0$. Việc phân chia các khoảng điểm trung bình được thực hiện theo nguyên tắc chia đều khoảng giá trị của thang Likert 5 mức độ nhằm thuận tiện cho việc mô tả dữ liệu.

Quá trình xin ý kiến chuyên gia được thực hiện với 03 nhà nghiên cứu trong lĩnh vực tâm lý học, dân tộc học và 02 cán bộ có kinh nghiệm thực tiễn tại địa bàn, nhằm đánh giá mức độ phù hợp, tính điển hình của các đặc điểm nhận thức dự kiến, đồng thời góp ý điều chỉnh, bổ sung các biểu hiện cụ thể cho sát với thực tiễn. Trên cơ sở đó, các mệnh đề được xây dựng theo nguyên tắc: Bám sát nội hàm của từng đặc điểm nhận thức; phản ánh các hành vi, biểu hiện cụ thể, dễ quan sát; phù hợp với ngôn ngữ và văn hóa của người Ba Na.

Trước khi khảo sát chính thức, phiếu hỏi được thử nghiệm sơ bộ trên 60 khách thể để kiểm tra độ rõ nghĩa của câu hỏi và độ tin cậy ban đầu của thang đo. Kết quả kiểm định cho thấy hệ số Cronbach's Alpha của các thang đo dao động từ 0,74 đến 0,82 đạt mức chấp nhận tốt đối với nghiên cứu trong khoa học xã hội.

Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2. Độ tin cậy của thang đo

TT	Các thang đo	Cronbach's Alpha (N = 60)
1	Nhận thức mang định hướng tự cung, tự cấp trong sản xuất	0,74
2	Nhận thức mang tính cộng đồng	0,82
3	Nhận thức dựa trên kinh nghiệm truyền thống	0,79
4	Nhận thức mang yếu tố tâm linh, tín ngưỡng	0,76
5	Nhận thức gắn với môi trường tự nhiên	0,81

Để đánh giá độ hiệu lực cấu trúc của thang đo, nghiên cứu tiến hành phân tích nhân tố khám phá (EFA) đối với toàn bộ 38 biến quan sát. Kết quả cho thấy dữ liệu phù hợp để phân tích nhân tố với hệ số KMO = 0,812; kiểm định Bartlett's Test có ý nghĩa thống kê (Sig = 0,000). Phân tích đã trích được 05 nhân tố tại Eigenvalue > 1, phù hợp với mô hình lý thuyết ban đầu; tổng phương sai trích đạt 61,4%. Hệ số tải nhân tố của các biến quan sát đều lớn hơn 0,50 và không có biến nào bị loại khỏi mô hình. Kết quả cho thấy thang đo đạt yêu cầu về độ tin cậy và độ hiệu lực để sử dụng trong khảo sát chính thức.

Bên cạnh phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, nghiên cứu còn sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu đối với 16 người, gồm 10 người Ba Na thuộc các nhóm tuổi khác nhau và 06 cán bộ địa phương am hiểu địa bàn nhằm bổ sung góc nhìn thực tiễn. Đồng thời, phương pháp quan sát cũng được triển khai tại các buôn, làng người Ba Na để đối chiếu với dữ liệu định lượng.

Toàn bộ số liệu thu thập được nhập liệu và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. Các phân tích thống kê được sử dụng gồm thống kê mô tả (điểm trung bình, độ lệch chuẩn), kiểm định độ tin cậy thang đo bằng Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá EFA.

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1. Đánh giá chung đặc điểm nhận thức của người Ba Na trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kết quả đánh giá chung đặc điểm nhận thức của người Ba Na trên địa bàn tỉnh Gia Lai được tóm tắt trong bảng sau:

Bảng 3. Đánh giá chung đặc điểm nhận thức của người Ba Na trên địa bàn tỉnh Gia Lai

TT	Đặc điểm	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	Nhận thức mang định hướng tự cung, tự cấp trong sản xuất	3,90	0,31	2
2	Nhận thức mang tính cộng đồng	4,10	0,37	1
3	Nhận thức dựa trên kinh nghiệm truyền thống	3,81	0,58	4
4	Nhận thức mang yếu tố tâm linh, tín ngưỡng	3,87	0,34	3
5	Nhận thức gắn với môi trường tự nhiên	3,61	0,48	5
Tổng		**3,88**	**0,20**	

Kết quả khảo sát tại bảng số liệu trên cho thấy, đặc điểm về nhận thức của người Ba Na ở các khía cạnh trên được bộc lộ ở mức khá (ĐTB = 3,88; ĐLC = 0,20). Trong đó, có sự khác biệt giữa các mặt nhận thức. Cụ thể:

Đặc điểm *Nhận thức mang tính cộng đồng* được bộc lộ rõ nhất (ĐTB = 4,10; ĐLC = 0,37), phản ánh đặc trưng văn hóa đậm nét của người Ba Na là đề cao sự gắn kết cộng đồng, tinh thần tập thể và vai trò của buôn làng, dòng họ trong đời sống xã hội. Đặc điểm này là nền tảng duy trì tính cố kết xã hội và sự ổn định trong tổ chức cộng đồng truyền thống.

Tiếp theo là *Nhận thức mang định hướng tự cung, tự cấp trong sản xuất* (ĐTB = 3,90; ĐLC = 0,31), xếp thứ 2, cho thấy người Ba Na có hiểu biết thực tiễn tương đối rõ ràng về lao động, tuy nhiên còn mang tính trực quan, chưa ứng dụng kỹ thuật hiện đại. *Nhận thức mang yếu tố tâm linh, tín ngưỡng* cũng chiếm vị trí quan trọng (ĐTB = 3,87; ĐLC = 0,34), xếp thứ 3, phản ánh niềm tin sâu sắc vào thần linh và các nghi lễ truyền thống vẫn giữ vai trò đáng kể trong định hướng hành vi và đời sống tinh thần của người Ba Na trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Bên cạnh đó, *Nhận thức dựa trên kinh nghiệm truyền thống* (ĐTB = 3,81; ĐLC = 0,58), xếp thứ 4, cho thấy một mặt người Ba Na vẫn đề cao vai trò của tri thức dân gian, mặt khác sự dao động lớn về ĐLC phản ánh sự không đồng đều giữa các cá nhân trong mức độ phụ thuộc vào truyền thống, phản ánh sự khác biệt nhất định giữa các cá nhân trong mức độ coi trọng kinh nghiệm truyền thống.

Cuối cùng, *Nhận thức gắn với môi trường tự nhiên* có ĐTB thấp nhất (ĐTB = 3,61; ĐLC = 0,48), xếp thứ 5, cho thấy mối quan hệ truyền thống giữa con người và tự nhiên có dấu hiệu giảm nhẹ trong nhận thức hiện nay. Kết quả này cho thấy mức độ biểu hiện của khía cạnh nhận thức gắn với môi trường tự nhiên thấp hơn các khía cạnh còn lại trong phạm vi khảo sát.

Như vậy, nhận thức của người Ba Na mang tính truyền thống rõ nét, trong đó yếu tố cộng đồng, tâm linh và nhận thức mang định hướng tự cung, tự cấp trong sản xuất đóng vai trò trung tâm.

3.2. Thực trạng các đặc điểm nhận thức cụ thể của người Ba Na trên địa bàn tỉnh Gia Lai

3.2.1. Nhận thức mang định hướng tự cung, tự cấp trong sản xuất

Kết quả khảo sát đặc điểm nhận thức mang định hướng tự cung, tự cấp trong sản xuất của người Ba Na được thể hiện trong bảng 4:

Bảng 4. Đặc điểm nhận thức mang định hướng tự cung, tự cấp trong sản xuất của người Ba Na trên địa bàn tỉnh Gia Lai

STT	Nhận thức về lao động, sản xuất	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	Người Ba Na thích hình thức sản xuất truyền thống của mình là sản xuất nương rẫy	4,22	0,76	2
2	Người Ba Na thích sản xuất trên những nương rẫy nhỏ của mình	4,01	0,64	3
3	Người Ba Na làm ra các sản phẩm chủ yếu để phục vụ cho cuộc sống hàng ngày của gia đình	3,85	0,79	5
4	Người Ba Na ít quan tâm đến việc làm ra các sản phẩm để bán ra thị trường	3,70	0,74	6
5	Nếu có sản phẩm để bán thì người Ba Na chủ yếu để bán trong phạm vi buôn làng, xã của mình	3,99	0,75	4
6	Người Ba Na chăn nuôi các con vật chủ yếu ở phạm vi gia đình và để phục vụ cho cuộc sống sinh hoạt hàng ngày hay các ngày lễ của dân tộc mình	4,38	0,94	1

7	Người Ba Na ngày nay nhận thấy cần phải thay đổi cách thức sản xuất của mình từ canh tác nương rẫy sang sản xuất với quy mô lớn hơn để bán ra thị trường	3,57	0,68	7
8	Người Ba Na ngày nay nhận thấy cần phải thay đổi lối sản xuất mang tính tự cung, tự cấp để chuyển sang sản xuất hàng hóa để bán ra thị trường	3,51	0,67	8
	ĐTB chung	**3,90**	**0,31**	

Kết quả cho thấy đặc điểm *Nhận thức mang định hướng tự cung, tự cấp trong sản xuất* được bộc lộ ở mức độ khá (ĐTB = 3,90; ĐLC = 0,31), phản ánh đặc trưng nhận thức vẫn mang đậm tính truyền thống.

Các biểu hiện có điểm trung bình cao tập trung ở mô hình sản xuất tự cung, tự cấp, nổi bật nhất là *Người Ba Na chăn nuôi các con vật chủ yếu ở phạm vi gia đình và để phục vụ cho cuộc sống sinh hoạt hàng ngày hay các ngày lễ của dân tộc mình* (ĐTB = 4,38; ĐLC = 0,94). Bên cạnh đó, xu hướng duy trì sản xuất nương rẫy (ĐTB = 4,22; ĐLC = 0,76) và quy mô sản xuất nhỏ (ĐTB = 4,01; ĐLC = 0,64) và tiêu thụ sản phẩm trong phạm vi buôn làng (ĐTB = 3,99; ĐLC = 0,75) thể hiện tính khép kín và dựa vào kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất của người Ba Na ở Gia Lai.

Ở chiều ngược lại, các biểu hiện liên quan đến chuyển đổi sang sản xuất hàng hóa và mở rộng quy mô có điểm trung bình thấp hơn (ĐTB từ 3,51 đến 3,57), cho thấy nhận thức về đổi mới phương thức sản xuất đã xuất hiện nhưng chưa thực sự rõ ràng và còn mang tính dè dặt.

Như vậy, nhận thức về lao động, sản xuất của người Ba Na trên địa bàn tỉnh Gia Lai vẫn mang đậm tính truyền thống, chủ yếu theo hướng tự cung, tự cấp và dựa vào kinh nghiệm. Mặc dù đã có dấu hiệu chuyển biến theo hướng sản xuất hàng hóa, nhưng mức độ còn hạn chế, chưa rõ nét.

3.2.2. Nhận thức mang tính cộng đồng

Kết quả khảo sát đặc điểm nhận thức mang tính cộng đồng của người Ba Na được thể hiện trong bảng 5.

Bảng 5. Đặc điểm nhận thức mang tính cộng đồng của người Ba Na trên địa bàn tỉnh Gia Lai

STT	Nhận thức mang tính cộng đồng	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	Dòng họ là cội nguồn, tổ tiên của người Ba Na	4,11	0,94	7
2	Dòng họ là người giúp đỡ nhiều nhất khi gia đình gặp khó khăn về kinh tế	4,03	0,81	9
3	Dòng họ là người giúp đỡ nhiều nhất khi gia đình làm những việc lớn như: Làm nương rẫy, dựng nhà, sửa nhà, cưới xin, tang ma	4,18	0,72	4
4	Dòng họ là nguồn động viên, an ủi khi gia đình gặp khó khăn	4,46	0,69	1
5	Dòng họ là yếu tố không thể thiếu được về giáo dục con cái	3,95	0,67	10

6	Buôn làng là nơi sinh sống và ổn định đời sống của người Ba Na (không gian sống, sinh con đẻ cái, làm nghề nông, sinh hoạt hàng ngày)	4,04	0,69	8
7	Buôn làng là trung tâm văn hóa và đời sống tâm linh của người Ba Na (lưu giữ phong tục, tập quán, thực hiện các nghi lễ tâm linh).	4,30	0,85	3
8	Buôn làng là nơi cố kết cộng đồng: gắn bó các gia đình người Ba Na với nhau.	4,43	0,82	2
9	Buôn làng là nơi bảo tồn các phong tục truyền thống của người Ba Na (giáo dục con cái, giáo dục các kỹ năng thủ công, tổ chức nghi lễ, lễ hội	4,15	0,67	5
10	Buôn làng là nơi người Ba Na chăm sóc và hỗ trợ lẫn nhau khi khó khăn, ốm đau, tang ma, thể hiện tình tương thân, tương ái	4,15	0,80	5
11	Buôn làng là nơi bảo vệ tài nguyên thiên nhiên (rừng, sông suối, đất đai) một cách bền vững	3,22	0,98	11
	ĐTB chung	**4,10**	**0,37**	

Kết quả bảng 5 cho thấy nhận thức mang tính cộng đồng của người Ba Na đạt mức cao (ĐTB = 4,10; ĐLC = 0,37), phản ánh sự đồng thuận rõ nét về vai trò của dòng họ và buôn làng trong đời sống xã hội. Kết quả này phù hợp với dữ liệu phỏng vấn sâu, trong đó, đa số người được hỏi đều nhấn mạnh vai trò hỗ trợ của dòng họ và buôn làng trong đời sống thường ngày.

Trong quan hệ dòng họ, các biểu hiện có điểm trung bình cao tập trung vào chức năng hỗ trợ và gắn kết tinh thần, nổi bật nhất là "*Dòng họ là nguồn động viên, an ủi khi gia đình gặp khó khăn*" (ĐTB = 4,46; ĐLC = 0,69). Tiếp đến là vai trò hỗ trợ trong các sự kiện quan trọng (ĐTB = 4,11), cho thấy ý thức cội nguồn vẫn được duy trì. Tuy nhiên, vai trò của dòng họ trong giáo dục con cái có xu hướng thấp hơn (ĐTB = 3,95), phản ánh sự thay đổi nhất định trong bối cảnh hiện đại.

Trong quan hệ với buôn làng, các biểu hiện đều đạt mức cao, đặc biệt là vai trò cố kết cộng đồng (ĐTB = 4,43) và vai trò trung tâm văn hóa, tâm linh (ĐTB = 4,30). Các chức năng bảo tồn văn hóa và hỗ trợ lẫn nhau cũng được ghi nhận rõ (ĐTB = 4,15), cho thấy buôn làng vẫn giữ vị trí trung tâm trong đời sống xã hội của người Ba Na. Tuy nhiên, nhận thức về vai trò của buôn làng trong bảo vệ môi trường còn hạn chế (ĐTB = 3,22) là biểu hiện thấp nhất.

Như vậy, nhận thức mang tính cộng đồng của người Ba Na thể hiện rõ nét và giữ vai trò nền tảng trong tổ chức đời sống xã hội, đặc biệt ở khía cạnh gắn kết và hỗ trợ lẫn nhau. Tuy nhiên, một số chức năng truyền thống như giáo dục của dòng họ và bảo vệ môi trường có dấu hiệu suy giảm, cho thấy sự biến đổi nhận thức dưới tác động của bối cảnh hiện nay.

3.2.3. Nhận thức mang yếu tố tâm linh, tín ngưỡng

Thực trạng đặc điểm Nhận thức mang yếu tố tâm linh, tín ngưỡng của người Ba Na ở Gia Lai được thể hiện trong bảng 6.

Bảng 6. Đặc điểm nhận thức mang yếu tố tâm linh, tín ngưỡng của người Ba Na trên địa bàn tỉnh Gia Lai

STT	Nhận thức mang yếu tố tâm linh, tín ngưỡng	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	Người Ba Na coi thiên nhiên và vũ trụ là những thực thể có sự sống và tin rằng các lực lượng thần linh cư ngụ trong đó.	4,25	0,87	3
2	Rừng đối với người Ba Na không chỉ là nơi cung cấp tài nguyên sống mà còn là nơi có các thần linh bảo vệ.	3,65	0,86	6
3	Những ngọn núi cao, con sông lớn thường được coi là nơi cư ngụ của các vị thần, mang đến sự thịnh vượng, sinh sôi, nảy nở cho cộng đồng.	3,99	0,67	4
4	Các lễ hội, nghi lễ liên quan đến núi, sông là cách người Ba Na thể hiện sự tôn kính, cầu mong sự che chở và thịnh vượng.	3,14	0,92	8
5	Tổ tiên có vai trò vô cùng quan trọng trong tín ngưỡng của người Ba Na.	4,41	0,84	1
6	Người Ba Na tin rằng khi chết, linh hồn của người đã khuất sẽ trở thành một vị thần trong thế giới tâm linh, giúp đỡ, bảo vệ con cháu.	4,34	0,86	2
7	Người Ba Na tin rằng có những thần linh đặc biệt liên quan đến nông nghiệp, đặc biệt là các mùa vụ trồng trọt.	3,27	0,76	7
8	Họ tin rằng con người có thể nhận được sự giúp đỡ của các thần linh nếu thực hiện các nghi lễ và cúng bái đúng cách.	3,91	0,85	5
	ĐTB chung	**3,87**	**0,34**	

Kết quả tại bảng 6 cho thấy, *Nhận thức mang yếu tố tâm linh, tín ngưỡng* của người Ba Na ở Gia Lai được bộc lộ ở mức độ khá (ĐTB = 3,87; ĐLC = 0,34), phản ánh sự tồn tại bền vững của thế giới quan truyền thống trong đời sống hiện nay.

Các biểu hiện có điểm trung bình cao tập trung vào vai trò của tổ tiên và niềm tin vào thế giới siêu nhiên. Nổi bật nhất là nhận thức về vai trò trung tâm của tổ tiên (ĐTB = 4,41) và niềm tin vào sự tiếp tục tồn tại của linh hồn sau khi chết (ĐTB = 4,34). Điều này cho thấy, tổ tiên không chỉ được nhìn nhận như cội nguồn mà còn là lực lượng bảo trợ, chi phối đời sống tinh thần của cộng đồng. Kết quả này phù hợp với nhận định của Dournes, J. (2018) về vai trò của tổ tiên như cầu nối giữa thế giới người sống và thế giới thần linh.

Bên cạnh đó, các biểu hiện liên quan đến niềm tin vào sự tồn tại và tác động của các lực lượng thần linh trong tự nhiên cũng đạt mức khá cao, như quan niệm vạn vật hữu linh (ĐTB = 4,25), sự linh thiêng của núi, sông (ĐTB = 3,99) và khả năng con người nhận được sự trợ giúp từ thần linh thông qua nghi lễ (ĐTB = 3,91). Điều này cho thấy nhận thức tâm linh đóng vai trò định hướng cách lý giải thế giới và hành vi của người Ba Na.

Ngược lại, các biểu hiện cụ thể hóa niềm tin qua hành vi như nghi lễ liên quan đến tự nhiên (ĐTB = 3,14), niềm tin vào thần linh trong nông nghiệp (ĐTB = 3,27) hay vai trò linh thiêng của rừng (ĐTB = 3,65) có mức điểm thấp hơn, cho thấy sự suy giảm tương đối trong việc thực hành tín ngưỡng truyền thống. Quan sát tại địa bàn cũng cho thấy một số nghi lễ truyền thống của người Ba Na vẫn được duy trì, song tần suất đã giảm so với trước đây.

Như vậy, nhận thức mang yếu tố tâm linh, tín ngưỡng của người Ba Na vẫn giữ vai trò quan trọng, với hạt nhân là niềm tin vào tổ tiên và các lực lượng siêu nhiên. Tuy nhiên, một số biểu hiện cụ thể trong thực hành tín ngưỡng có xu hướng giảm, phản ánh sự biến đổi trong bối cảnh kinh tế - xã hội hiện nay.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã xác định 05 đặc điểm nhận thức cơ bản của người Ba Na trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Trong đó, nổi bật nhất là nhận thức mang tính cộng đồng; nhận thức mang định hướng tự cung, tự cấp trong sản xuất và nhận thức chịu ảnh hưởng của yếu tố tâm linh, tín ngưỡng. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở thực chứng cho việc xây dựng các giải pháp đảm bảo an ninh trật tự, quản lý xã hội và phát triển bền vững phù hợp với đặc trưng tâm lý của người Ba Na tại Gia Lai.

Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn có một số hạn chế nhất định. Thứ nhất, phạm vi khảo sát chủ yếu tại Gia Lai, chưa có sự đối chiếu, so sánh với khu vực khác. Thứ hai, dữ liệu chủ yếu dựa trên khảo sát, trên thực tế, kết quả nghiên cứu có thể chịu ảnh hưởng nhất định từ yếu tố chủ quan của người tham gia. Trong thời gian tới, cần mở rộng phạm vi nghiên cứu tới các địa bàn khác có đông người Ba Na sinh sống nhằm tăng cường cơ sở so sánh và nâng cao khả năng khái quát hóa kết quả nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Dournes, J. (2018). *Miền đất huyền ảo*. Nxb Thông tin và Truyền thông.
2. Nguyễn Tấn Đắc (2005). *Văn hóa, xã hội và con người Tây Nguyên*. Nxb Khoa học xã hội.
3. Ngô Đức Thịnh (2004). *Văn hóa vùng & Phân vùng văn hóa ở Việt Nam*. Nxb Trẻ.
4. Trung Thị Thu Thủy (2014). Vài nét về tín ngưỡng truyền thống của người Ba Na. *Tạp chí Di sản Văn hóa phi vật thể, (3),* 48. *Tạp chí Di sản Văn hóa số*

Tài liệu tiếng Anh

5. Neisser, U. (1967). *Cognitive psychology*. New York: Appleton-Century-Crofts.
6. Shweder, R. A. (1991). *Thinking through cultures: Expeditions in cultural psychology*. Harvard University Press.
7. Sternberg, R. J. (2006). *Cognitive psychology*. Wadsworth.
8. Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in Society: The development of higher psychological processes.* Harvard University Press.